| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2020.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, con chung.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Loan –** Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Bé Em**
2. Bà **Lê Thị Mỹ**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Ngọc Tú** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá : Đồng Thanh Lam – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm coong khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 42/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà **Trương Ngọc H** , sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 107/21/13 Ngô Q , phường Vĩnh B , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên G .

Bị đơn: Ông **Ngô Thanh T** , sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 19, KP. Vĩnh Ph , phường Vĩnh H , thành phố Rạch G , tỉnh Kiên G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Trương Ngọc H trình bày:** Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND phường Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/2/2011.

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống những năm đầu bà và ông T sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng ý kiến, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm với vợ con, hàng tháng không phụ bà khoản T nào để nuôi con, thường xuyên ăn nhậu tới khuya mới về, khi về còn kiếm chuyện gây gỗ với bà. Ngoài ra, lại còn có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, vì vậy bà H yêu cầu được ly hôn với ông T .

- Về con chung: Bà H xác định có 02 người con chung tên: Ngô Ngọc G , sinh năm 2010 và Ngô Ngọc Hâ , sinh năm 2013. Hiện đang sống với bà. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Ngô Thanh T :** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Thanh T vắng mặt.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm**:

Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Các đương sự cũng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc H .

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp xin ly hôn". Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Ngô Thanh T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng

mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngô Thanh T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

**[2] Về nội dung vụ kiện:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc H và ông Ngô Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/02/2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H , Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông T không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa bà H trình bày do ông T không có trách nhiệm với vợ con, hàng tháng không phụ bà khoản T nào để nuôi con, thường xuyên ăn nhậu tới khuya mới về, khi về còn kiếm chuyện gây gỗ với bà. Ngoài ra, ông T còn có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai người đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay vẫn không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H được ly hôn với ông T .

Về quan hệ con chung: Bà H xác nhận có 02 người con chung tên Ngô Ngọc Giàu, sinh năm 2010 và Ngô Ngọc Hâ , sinh năm 2013. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G và cháu Hâ . Tại biên bản ghi nhận ý kiến vào ngày 26/2/2020 cháu G có nguyện vọng sống chung với ba - Ngô Thanh T , còn cháu Hâ có nguyện vọng sống chung với mẹ - Trương Ngọc H . Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T không có ý kiến gì về nguyện vọng nuôi con chung, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, bà H cho rằng ông T từ khi ly thân cho đến nay ông không hề đến thăm nom, chăm sóc con chung. Do đó, trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc nuôi con là hoàn toàn phù hợp.

Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Ngô Thanh T , căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự " Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông T có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Ngọc H phải chịu 300.000 đồng.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Ngọc H đối với ông Ngô Thanh T .

Tuyên bố bà Trương Ngọc H được ly hôn với ông Ngô Thanh T .

2. Về quan hệ con chung: Giao hai người con chung tên Ngô Ngọc G , sinh năm 2010 và Ngô Ngọc Hâ , sinh năm 2013 cho bà Trương Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trương Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ T tạm ứng án phí đã nộp số T 300.000 đồng theo biên lai thu T số 0001664 ngày 02/01/2020 nên bà H không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014

***Nơi nhận***:
*- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
*- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;*
*- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;*
*- Các đương sự ;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Loan**